

Số: 08/2008/TT-BNV

Hà Nội, ngày 17 tháng 11 năm 2008

**THÔNG TƯ**

**Hướng dẫn trình tự, thủ tục cấp Giấy phép sản xuất, kinh doanh sản phẩm mật mã dân sự và cấp Giấy chứng nhận hợp chuẩn, Giấy chứng nhận hợp quy sản phẩm mật mã dân sự**

Căn cứ Nghị định số 48/2008/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 73/2007/NĐ-CP ngày 8 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ về hoạt động nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh và sử dụng mật mã để bảo vệ thông tin không thuộc phạm vi bí mật Nhà nước;

Sau khi trao đổi và thống nhất với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Nội vụ hướng dẫn trình tự, thủ tục cấp Giấy phép sản xuất, kinh doanh sản phẩm mật mã dân sự và cấp Giấy chứng nhận hợp chuẩn, Giấy chứng nhận hợp quy sản phẩm mật mã dân sự như sau:

**I. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này hướng dẫn trình tự, thủ tục cấp Giấy phép sản xuất, kinh doanh sản phẩm mật mã dân sự và cấp Giấy chứng nhận hợp chuẩn, Giấy chứng nhận hợp quy sản phẩm mật mã dân sự; trách nhiệm của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động sản xuất, kinh doanh và sử dụng sản phẩm mật mã dân sự; trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về mật mã dân sự.

**2. Đối tượng áp dụng**

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động sản xuất, kinh doanh và sử dụng sản phẩm mật mã dân sự.

**II. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CẤP GIẤY PHÉP SẢN XUẤT, KINH DOANH SẢN PHẨM MẬT MÃ DÂN SỰ**

**1. Điều kiện cấp Giấy phép sản xuất, kinh doanh sản phẩm mật mã dân sự**

**a) Điều kiện về chủ thể:**

Là doanh nghiệp được thành lập theo Luật Doanh nghiệp.

**b) Điều kiện về nhân sự:**

- Người đứng đầu doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh sản phẩm mật mã dân sự phải có lý lịch rõ ràng, có năng lực hiểu biết về pháp luật, tốt nghiệp đại học một trong các chuyên ngành: điện tử - viễn thông, công nghệ thông tin, toán tin, an toàn thông tin hoặc nếu tốt nghiệp đại học các chuyên ngành khác thì phải có chứng chỉ đào tạo ngắn hạn về an toàn thông tin; có kinh nghiệm tối thiểu 05 năm làm việc trong lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông;

- Các thành viên phụ trách về kỹ thuật phải có lý lịch rõ ràng và tốt nghiệp đại học một trong các chuyên ngành: điện tử - viễn thông, công nghệ thông tin, toán tin, an toàn thông tin;

- Đội ngũ nhân viên kỹ thuật, nhân viên quản lý, nhân viên điều hành, nhân viên an ninh và nhân viên dịch vụ khách hàng phải có hợp đồng lao động và có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với công việc được giao.

c) Điều kiện đảm bảo khác:

- Bảo đảm điều kiện an ninh, an toàn, phòng chống cháy nổ và bảo vệ tài nguyên, môi trường;

- Có phương án kỹ thuật và phương án kinh doanh khả thi, phù hợp với các quy định, quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm mật mã dân sự.

2. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép sản xuất, kinh doanh sản phẩm mật mã dân sự được lập thành 02 bộ. Mỗi bộ hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất, kinh doanh sản phẩm mật mã dân sự theo Mẫu 01 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Danh mục sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự xin cấp phép sản xuất, kinh doanh theo Mẫu 02 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư của doanh nghiệp;

d) Danh sách trích ngang toàn bộ cán bộ lãnh đạo, các thành viên phụ trách về kỹ thuật, nhân viên kỹ thuật, nhân viên quản lý, nhân viên điều hành, nhân viên an ninh và nhân viên dịch vụ khách hàng về: họ và tên, ngày tháng năm sinh, số chứng minh thư nhân dân, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, trình độ chuyên môn, vị trí công việc;

đ) Hồ sơ của người đứng đầu doanh nghiệp và các thành viên phụ trách về kỹ thuật, bao gồm:

- Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp phường, xã nơi cư trú hoặc xác nhận của cơ quan có thẩm quyền;

- Bản sao hợp lệ bằng tốt nghiệp đại học một trong các chuyên ngành: điện tử - viễn thông, công nghệ thông tin, toán tin, an toàn thông tin. (Đối với người đứng đầu doanh nghiệp, nếu không có một trong các văn bằng kể trên thì nộp bản sao hợp lệ bằng tốt nghiệp đại học và bản sao hợp lệ chứng chỉ đào tạo ngắn hạn về an toàn thông tin).

e) Hồ sơ về phương án kỹ thuật, bao gồm:

- Tài liệu về đặc tính kỹ thuật, tham số kỹ thuật của sản phẩm (tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật mật mã của từng sản phẩm; môi trường, điều kiện hoạt động của sản phẩm trong hệ thống công nghệ thông tin và truyền thông...);

- Các biện pháp, giải pháp kỹ thuật, phương án bảo hành, bảo trì nhằm bảo đảm an toàn, an ninh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự.

g) Hồ sơ về phương án sản xuất, kinh doanh, bao gồm:

- Phạm vi, đối tượng mà doanh nghiệp sẽ cung cấp sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự;

- Quy mô, số lượng sản phẩm mật mã dân sự dự kiến sản xuất, kinh doanh;

- Hệ thống phục vụ khách hàng và bảo đảm kỹ thuật;

- Hình thức đầu tư.

3. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép sản xuất, kinh doanh sản phẩm mật mã dân sự nộp trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện về địa chỉ:

Trung tâm Bảo mật thông tin kinh tế xã hội - Ban Cơ yếu Chính phủ - Bộ Nội vụ.

Địa chỉ: 62 Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội.

Điện thoại/Fax: 04-3775.6896

E-mail: info@bis.gov.vn

#### 4. Kiểm tra hồ sơ

Sau khi nhận hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép sản xuất, kinh doanh sản phẩm mật mã dân sự, Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ (đối với hồ sơ nộp trực tiếp) và kiểm tra trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ (đối với hồ sơ gửi qua bưu điện). Trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ, Cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải thông báo cho doanh nghiệp để bổ sung.

#### 5. Thẩm định hồ sơ và cấp giấy phép

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp, Ban Cơ yếu Chính phủ tiến hành thẩm định hồ sơ. Trong trường hợp cần thiết, khi thông tin doanh nghiệp cung cấp chưa đầy đủ, rõ ràng, Ban Cơ yếu Chính phủ sẽ tiến hành thẩm tra điều kiện thực tế tại doanh nghiệp. Khi doanh nghiệp đảm bảo các điều kiện quy định tại khoản 1 Mục II của Thông tư này, Ban Cơ yếu Chính phủ sẽ cấp Giấy phép sản xuất, kinh doanh sản phẩm mật mã dân sự theo Mẫu 05 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp không đủ điều kiện để cấp giấy phép, Ban Cơ yếu Chính phủ thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

6. Giấy phép sản xuất, kinh doanh sản phẩm mật mã dân sự có hiệu lực trong thời hạn 05 năm. Trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc

Giấy chứng nhận đầu tư của doanh nghiệp không còn hiệu lực thì Giấy phép sản xuất, kinh doanh sản phẩm mật mã dân sự đương nhiên hết hiệu lực.

**7. Cấp giấy phép mới sau khi giấy phép cũ hết hạn**

a) Ba mươi ngày trước khi Giấy phép sản xuất, kinh doanh sản phẩm mật mã dân sự hết hạn, doanh nghiệp muốn tiếp tục sản xuất, kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự gửi hồ sơ đề nghị cấp giấy phép mới.

b) Hồ sơ xin cấp giấy phép mới được lập thành 02 bộ. Mỗi bộ hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất, kinh doanh sản phẩm mật mã dân sự theo Mẫu 01 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

- Những thay đổi, bổ sung (nếu có);

- Báo cáo kết quả sản xuất, kinh doanh 05 năm;

- Bản sao giấy phép đang có hiệu lực và các tài liệu liên quan khác (nếu có).

c) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp, Ban Cơ yếu Chính phủ tiến hành thẩm định hồ sơ. Trong trường hợp cần thiết, khi thông tin doanh nghiệp cung cấp chưa đầy đủ, rõ ràng, Ban Cơ yếu Chính phủ sẽ tiến hành thẩm tra điều kiện thực tế tại doanh nghiệp. Khi doanh nghiệp đảm bảo các điều kiện quy định tại khoản 1 Mục II của Thông tư này, Ban Cơ yếu Chính phủ sẽ cấp Giấy phép sản xuất, kinh doanh sản phẩm mật mã dân sự theo Mẫu 05 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp không đủ điều kiện để cấp giấy phép, Ban Cơ yếu Chính phủ thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**8. Thay đổi, bổ sung nội dung danh mục đã được cấp phép**

a) Sau khi được cấp phép, nếu có thay đổi, bổ sung nội dung danh mục sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự được phép sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp đề nghị với Ban Cơ yếu Chính phủ thay đổi, bổ sung.

b) Hồ sơ đề nghị thay đổi, bổ sung được lập thành 02 bộ. Mỗi bộ hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị thay đổi, bổ sung nội dung danh mục sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự đã được cấp phép sản xuất, kinh doanh theo Mẫu 03 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

- Danh mục sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự xin cấp phép sản xuất, kinh doanh (có thay đổi, bổ sung) theo Mẫu 02 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

- Hồ sơ về phương án kỹ thuật phù hợp với nội dung xin phép sản xuất, kinh doanh bổ sung;

- Hồ sơ về phương án sản xuất, kinh doanh theo nội dung xin phép sản xuất, kinh doanh bổ sung.

c) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ban Cơ yếu Chính phủ ra Quyết định về việc thay đổi, bổ sung nội dung danh mục đã

được cấp phép cho doanh nghiệp theo Mẫu 06 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp không đủ điều kiện để ra Quyết định trên, Ban Cơ yếu Chính phủ thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

9. Cấp lại giấy phép trong trường hợp bị mất giấy phép, giấy phép bị rách, nát hoặc thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

a) Cấp lại giấy phép trong trường hợp giấy phép bị mất

Khi bị mất giấy phép, doanh nghiệp phải khai báo với cơ quan công an nơi gần nhất, gửi thông báo bằng văn bản tới Ban Cơ yếu Chính phủ, đồng thời doanh nghiệp gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép. Hồ sơ gồm có:

- Đơn đề nghị cấp lại giấy phép theo Mẫu 04 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

- Xác nhận của cơ quan công an về việc khai báo mất giấy phép.

b) Cấp lại giấy phép trong trường hợp giấy phép bị rách, nát

Trường hợp giấy phép bị rách, nát, doanh nghiệp gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị Ban Cơ yếu Chính phủ cấp lại giấy phép. Hồ sơ gồm có:

- Đơn đề nghị cấp lại giấy phép theo Mẫu 04 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

- Bản chính giấy phép đã bị rách, nát.

c) Cấp lại giấy phép trong trường hợp thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

Trường hợp doanh nghiệp thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, doanh nghiệp phải gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị Ban Cơ yếu Chính phủ cấp lại Giấy phép sản xuất, kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự. Hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp lại giấy phép theo Mẫu 04 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

- Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới đã được cấp;

- Bản chính giấy phép đang sử dụng.

Trường hợp thay đổi người đứng đầu doanh nghiệp (người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp), ngoài hồ sơ đề nghị cấp lại nêu trên, doanh nghiệp phải bổ sung 01 bộ hồ sơ của người đứng đầu doanh nghiệp, bao gồm:

- Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp phường, xã nơi cư trú hoặc xác nhận của cơ quan có thẩm quyền;

- Bản sao hợp lệ bằng tốt nghiệp đại học một trong các chuyên ngành: điện tử - viễn thông, công nghệ thông tin, toán tin, an toàn thông tin. (Nếu không có một trong các văn bằng kể trên thì nộp bản sao hợp lệ bằng tốt nghiệp đại học và bản sao hợp lệ chứng chỉ đào tạo ngắn hạn về an toàn thông tin).

d) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban Cơ yếu Chính phủ xem xét, cấp lại giấy phép cho doanh nghiệp theo Mẫu 05 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này. Trong trường hợp cấp lại giấy phép

do giấy phép cũ bị rách, nát thì số của giấy phép cấp lại là số ghi trong giấy phép đã bị rách, nát; trong trường hợp cấp lại giấy phép do giấy phép cũ bị mất thì số của giấy phép cấp lại là số mới. Trên giấy phép cấp lại ghi rõ lần cấp lại và ngày cấp lại.

#### 10. Thu hồi giấy phép

Ban Cơ yếu Chính phủ ra quyết định thu hồi giấy phép đã cấp trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định 73/2007/NĐ-CP theo Mẫu 07 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

Kể từ ngày quyết định thu hồi giấy phép có hiệu lực, doanh nghiệp phải chấm dứt việc ký kết hợp đồng với khách hàng. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định thu hồi giấy phép có hiệu lực, doanh nghiệp phải giải quyết thanh lý toàn bộ các hợp đồng cung cấp sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự đã thoả thuận với khách hàng và bồi thường thiệt hại (nếu có) theo quy định của pháp luật.

Sau thời hạn 3 tháng kể từ khi bị thu hồi Giấy phép sản xuất, kinh doanh sản phẩm mật mã dân sự, nếu đáp ứng đủ điều kiện quy định tại Điều 10 Nghị định 73/2007/NĐ-CP thì doanh nghiệp có quyền đề nghị cấp lại Giấy phép sản xuất, kinh doanh sản phẩm mật mã dân sự. Thủ tục như khi xin cấp mới.

11. Doanh nghiệp có thể gửi hồ sơ xin cấp hoặc cấp lại Giấy phép sản xuất, kinh doanh sản phẩm mật mã dân sự, hồ sơ đề nghị thay đổi, bổ sung nội dung danh mục cấp phép sản xuất, kinh doanh sản phẩm mật mã dân sự qua mạng điện tử tại địa chỉ website: <http://www.bis.gov.vn>. Trong trường hợp này, sau khi xem xét hồ sơ, Ban Cơ yếu Chính phủ thông báo cho người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp các nội dung cần sửa đổi, bổ sung hồ sơ (nếu có). Doanh nghiệp phải nộp 01 bộ hồ sơ gốc bằng giấy theo quy định tại Thông tư này để Ban Cơ yếu Chính phủ đối chiếu và lưu hồ sơ.

12. Phí, lệ phí cấp phép thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

### **III. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN HỢP CHUẨN, GIẤY CHỨNG NHẬN HỢP QUY SẢN PHẨM MẬT MÃ DÂN SỰ**

Ban Cơ yếu Chính phủ kiểm tra, thẩm định, đánh giá và cấp Giấy chứng nhận hợp quy đối với sản phẩm mật mã dân sự có quy định bắt buộc phải chứng nhận hợp quy trước khi đưa ra lưu thông trên thị trường. Giấy chứng nhận hợp chuẩn sản phẩm mật mã dân sự được Ban Cơ yếu Chính phủ cấp khi tổ chức, cá nhân có yêu cầu. Quy trình, thủ tục cấp Giấy chứng nhận hợp chuẩn, Giấy chứng nhận hợp quy sản phẩm mật mã dân sự thực hiện như sau:

1. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hợp chuẩn sản phẩm mật mã dân sự, Giấy chứng nhận hợp quy sản phẩm mật mã dân sự được lập thành 03 bộ. Mỗi bộ hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận hợp chuẩn sản phẩm mật mã dân sự theo Mẫu 01 - Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này, hoặc Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận hợp quy sản phẩm mật mã dân sự theo Mẫu 02 - Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao hợp lệ giấy chứng minh thư nhân dân hoặc hộ chiếu đối với cá nhân; bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập đối với tổ chức;

c) Bản sao, bản dịch tiếng Việt hợp lệ tài liệu kỹ thuật của sản phẩm, bao gồm: tài liệu xuất xứ sản phẩm, đặc tính kỹ thuật, tham số kỹ thuật của sản phẩm, tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật áp dụng, phương pháp thử nghiệm (nếu có), giải pháp nghiệp vụ, thuyết minh kỹ thuật, sổ tay hướng dẫn sử dụng, ảnh chụp bên ngoài của sản phẩm, phần mềm và tài liệu hướng dẫn cài đặt, sử dụng và tài liệu khác có liên quan.

Đối với sản phẩm mật mã dân sự đã có kết quả kiểm định, đánh giá của các tổ chức trong nước hoặc các tổ chức nước ngoài thì nộp bản sao và bản dịch tiếng Việt hợp lệ kết quả kiểm định, đánh giá của sản phẩm.

d) Sản phẩm mẫu

(Sau quá trình đánh giá, chứng nhận, sản phẩm mẫu được lưu tại Cơ quan chứng nhận. Đối với sản phẩm mẫu là sản phẩm phần cứng, khi tổ chức, cá nhân xin cấp chứng nhận có yêu cầu nhận lại, Cơ quan chứng nhận sẽ trả lại cho tổ chức, cá nhân đó; sản phẩm mẫu khi trả lại phải được Cơ quan chứng nhận niêm xi và lập biên bản bàn giao.)

2. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hợp chuẩn, Giấy chứng nhận hợp quy sản phẩm mật mã dân sự nộp trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện về địa chỉ:

Trung tâm Bảo mật thông tin kinh tế xã hội - Ban Cơ yếu Chính phủ - Bộ Nội vụ.

Địa chỉ: 62 Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội.

Điện thoại/Fax: 04-3775.6896

E-mail: info@bis.gov.vn

3. Kiểm tra hồ sơ

Sau khi nhận hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hợp chuẩn, Giấy chứng nhận hợp quy sản phẩm mật mã dân sự của tổ chức, cá nhân, Cơ quan chứng nhận có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ trong thời hạn 03 ngày làm việc. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ, Cơ quan chứng nhận gửi thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy chứng nhận bổ sung hồ sơ.

4. Thời hạn kiểm định, đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và cấp Giấy chứng nhận hợp chuẩn sản phẩm mật mã dân sự, Giấy chứng nhận hợp quy sản phẩm mật mã dân sự

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cơ quan chứng nhận chuyển hồ sơ cho tổ chức kiểm định. Tổ chức kiểm định có trách nhiệm kiểm định, đánh giá sản phẩm và gửi báo cáo kết quả cho Cơ quan chứng nhận trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của tổ chức kiểm định, Cơ quan chứng nhận xem xét, cấp hoặc từ chối cấp Giấy chứng nhận hợp chuẩn hoặc Giấy chứng nhận hợp quy sản phẩm mật mã dân sự cho tổ chức, cá nhân. Trường hợp từ chối cấp, Cơ quan chứng nhận thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do từ chối.

Trường hợp đặc biệt, thời gian kiểm định, đánh giá, cấp hoặc không cấp Giấy chứng nhận hợp chuẩn sản phẩm mật mã dân sự, Giấy chứng nhận hợp quy sản phẩm mật mã dân sự được gia hạn thêm nhưng không quá 6 tháng. Cơ quan chứng nhận có trách nhiệm thông báo lý do bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy chứng nhận.

5. Trong trường hợp cần thiết, Cơ quan chứng nhận có quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung hồ sơ kỹ thuật, giải pháp, thiết bị, môi trường để kiểm định sản phẩm theo yêu cầu của tổ chức kiểm định.

6. Phí, lệ phí thẩm định, đánh giá, chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy sản phẩm mật mã dân sự và cấp Giấy chứng nhận hợp chuẩn, Giấy chứng nhận hợp quy sản phẩm mật mã dân sự thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

7. Giấy chứng nhận hợp chuẩn sản phẩm mật mã dân sự, Giấy chứng nhận hợp quy sản phẩm mật mã dân sự, Mẫu Dấu chứng nhận hợp chuẩn sản phẩm mật mã dân sự được cấp theo Mẫu 03, Mẫu 04, Mẫu 05 - Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này; Dấu chứng nhận hợp quy được cấp theo hướng dẫn và quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ tại Quyết định số 24/2007/QĐ - BKHCN ngày 28 tháng 9 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

#### **IV. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THAM GIA HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH VÀ SỬ DỤNG SẢN PHẨM MẬT MÃ DÂN SỰ**

1. Doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh sản phẩm mật mã dân sự có trách nhiệm:

- a) Quản lý hồ sơ, tài liệu về giải pháp kỹ thuật, công nghệ sản xuất;
- b) Áp dụng các biện pháp về an ninh, an toàn trong quá trình sản xuất, kinh doanh và lưu giữ sản phẩm mật mã dân sự;
- c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự; chấp hành các quy định của cơ quan quản lý nhà nước trong việc



chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy và công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy các sản phẩm mật mã dân sự do doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh;

d) Tạm ngừng hoặc ngừng cung cấp sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự trong trường hợp khẩn cấp theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đảm bảo an ninh quốc gia;

đ) Phối hợp và tạo điều kiện cho cơ quan có thẩm quyền thực hiện các biện pháp nghiệp vụ khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật;

e) Ký kết hợp đồng theo Mẫu 01 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

g) Không cung cấp sản phẩm mật mã cùng khoá mã hệ thống cho các khách hàng khác nhau;

h) Đối với sản phẩm mật mã cần sử dụng hệ thống chứng thực điện tử thì doanh nghiệp phải tuân thủ và tư vấn cho khách hàng tuân thủ các quy định của nhà cung cấp dịch vụ chứng thực điện tử theo quy định của pháp luật;

i) Bảo dưỡng, sửa chữa và bảo hành sản phẩm mật mã dân sự do doanh nghiệp cung cấp cho khách hàng;

k) Lưu giữ và bảo mật thông tin của khách hàng, thông tin khoá mã của doanh nghiệp đã cung cấp cho từng đối tượng khách hàng hoặc từng lô sản phẩm theo hợp đồng đã ký kết giữa hai bên; thời gian lưu giữ là 05 năm, trừ trường hợp khách hàng không có yêu cầu khác;

l) Định kỳ sáu tháng, hàng năm gửi báo cáo bằng văn bản về tình hình sản xuất, kinh doanh sản phẩm mật mã dân sự và tổng hợp thông tin khách hàng theo Mẫu 02 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này về Ban Cơ yếu Chính phủ trước ngày 30 tháng 6 đối với báo cáo sáu tháng, trước ngày 31 tháng 12 đối với báo cáo năm;

m) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân sử dụng sản phẩm mật mã dân sự có trách nhiệm:

a) Tuân thủ các quy định đã cam kết với doanh nghiệp cung cấp sản phẩm mật mã dân sự về: quản lý sử dụng khoá mã, chuyển nhượng, sửa chữa, bảo dưỡng sản phẩm mật mã dân sự và các thoả thuận khác có liên quan;

b) Phối hợp và tạo điều kiện cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn mật mã, an ninh thông tin, ngăn ngừa tội phạm đánh cắp thông tin, mật mã và sử dụng sản phẩm mật mã dân sự vào mục đích không hợp pháp;

c) Khi mua sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự, tổ chức, cá nhân phải ký kết hợp đồng theo Mẫu 01 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

d) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc bản thân vi phạm hoặc để người khác lợi dụng sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự để vi phạm pháp luật về sử dụng sản phẩm mật mã dân sự;

đ) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

## V. TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN CẤP PHÉP, CƠ QUAN CHỨNG NHẬN TRONG QUẢN LÝ CẤP PHÉP, CẤP CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM MẬT MÃ DÂN SỰ

1. Trách nhiệm của Cơ quan cấp phép trong quản lý cấp phép sản xuất, kinh doanh sản phẩm mật mã dân sự

a) Tiếp nhận hồ sơ, thẩm định hồ sơ để cấp mới, cấp lại, thu hồi Giấy phép sản xuất, kinh doanh sản phẩm mật mã dân sự đối với doanh nghiệp theo hướng dẫn tại Mục II Thông tư này;

b) Bảo mật thông tin trong hồ sơ đề nghị cấp phép sản xuất, kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự và các thông tin khác mà doanh nghiệp cung cấp;

c) Kiểm tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm mật mã dân sự, xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại, tố cáo về hoạt động sản xuất, kinh doanh sản phẩm mật mã dân sự.

2. Trách nhiệm của Cơ quan chứng nhận trong quản lý cấp chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy sản phẩm mật mã dân sự

a) Tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, đánh giá và cấp Giấy chứng nhận hợp chuẩn sản phẩm mật mã dân sự, Giấy chứng nhận hợp quy sản phẩm mật mã dân sự có thời hạn không quá 3 năm đối với các sản phẩm mà tổ chức, cá nhân đề nghị thẩm định theo hướng dẫn tại Mục III Thông tư này;

b) Giao quyền sử dụng và hướng dẫn cách sử dụng dấu hợp chuẩn cho tổ chức, cá nhân có sản phẩm mật mã dân sự đã được chứng nhận hợp chuẩn theo Mẫu 05 - Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này;

Giao quyền sử dụng và hướng dẫn cách sử dụng dấu hợp quy cho tổ chức, cá nhân có sản phẩm mật mã dân sự đã được chứng nhận hợp quy. Dấu chứng nhận hợp quy được cấp theo mẫu quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ tại Quyết định số 24/2007/QĐ - BKHCN ngày 28 tháng 9 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

c) Thu hồi Giấy chứng nhận hợp chuẩn, Giấy chứng nhận hợp quy, quyền sử dụng dấu hợp chuẩn, quyền sử dụng dấu chứng nhận hợp quy khi tổ chức, cá nhân có sản phẩm mật mã dân sự đã được chứng nhận vi phạm nghiêm trọng các quy định về chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy;

d) Bảo đảm tính khách quan và công bằng trong hoạt động chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy; không được thực hiện hoạt động tư vấn cho tổ chức, cá nhân đề nghị chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy;

đ) Giám sát sản phẩm mật mã dân sự đã được chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy nhằm đảm bảo duy trì sự phù hợp của sản phẩm mật mã dân sự với tiêu chuẩn, quy chuẩn tương ứng;

e) Bảo mật các thông tin thu thập được trong quá trình chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy sản phẩm mật mã dân sự;

g) Thông báo công khai trên các phương tiện thông tin thích hợp về việc cấp, thu hồi Giấy chứng nhận hợp chuẩn sản phẩm mật mã dân sự, Giấy chứng nhận hợp quy sản phẩm mật mã dân sự và quyền sử dụng dấu hợp chuẩn, dấu hợp quy sản phẩm mật mã dân sự;

h) Xây dựng và hướng dẫn các tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng sản phẩm mật mã dân sự trình cơ quan có thẩm quyền ban hành.

## VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Cơ yếu Chính phủ chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương có liên quan tổ chức thực hiện Thông tư này.

2. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Nội vụ để xem xét, giải quyết. / *Ho*

### Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Website Chính phủ;
- Công báo;
- Bộ Nội vụ: Bộ trưởng, Thứ trưởng và các đơn vị, tổ chức thuộc Bộ;
- Lưu VT, Vụ TH (5).

### BỘ TRƯỞNG



*Trần Văn Tuấn*  
**Trần Văn Tuấn**

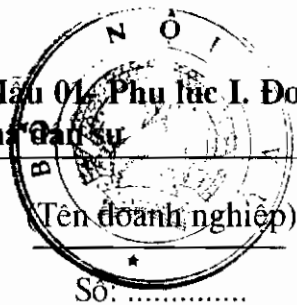


## Phụ lục I

### MẪU CẤP GIẤY PHÉP SẢN XUẤT, KINH DOANH SẢN PHẨM, DỊCH VỤ MẬT MÃ DÂN SỰ

(Kèm theo Thông tư số 08/2008/TT-BNV ngày 17 tháng 11 năm 2008 của Bộ Nội vụ)

- Mẫu 01. Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất, kinh doanh sản phẩm mật mã dân sự
- Mẫu 02. Danh mục sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự xin cấp phép sản xuất, kinh doanh
- Mẫu 03. Đơn đề nghị thay đổi, bổ sung nội dung danh mục sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự đã được cấp phép sản xuất, kinh doanh
- Mẫu 04. Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép sản xuất, kinh doanh sản phẩm mật mã dân sự
- Mẫu 05. Giấy phép sản xuất, kinh doanh sản phẩm mật mã dân sự
- Mẫu 06. Quyết định về việc thay đổi, bổ sung nội dung danh mục đã được cấp phép
- Mẫu 07. Quyết định về việc thu hồi giấy phép



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng ..... năm .....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**cấp Giấy phép sản xuất, kinh doanh sản phẩm mật mã dân sự**

Kính gửi: Ban Cơ yếu Chính phủ

Tên doanh nghiệp đề nghị cấp phép (*viết bằng tiếng Việt*): .....

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài (*nếu có*): .....

Tên doanh nghiệp viết tắt (*nếu có*): .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số .....do .....  
cấp ngày.....

Ngành nghề kinh doanh: .....

Họ và tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp: .....

Chức vụ: .....

Số CMND/Hộ chiếu:.....cấp ngày.....tại .....

Đề nghị Ban Cơ yếu Chính phủ cấp **Giấy phép sản xuất, kinh doanh sản phẩm mật mã dân sự** theo Danh mục kèm theo đơn này.

Tôi/chúng tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác của các thông tin đã cung cấp và cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 73/2007/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ về hoạt động nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh và sử dụng mật mã để bảo vệ thông tin không thuộc phạm vi bí mật Nhà nước.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP**  
(*Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu*)

Hồ sơ kèm theo:

1. Danh mục sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự xin cấp phép sản xuất, kinh doanh;
2. Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư của doanh nghiệp;
3. Danh sách trích ngang toàn bộ cán bộ lãnh đạo, các thành viên phụ trách về kỹ thuật, nhân viên kỹ thuật, nhân viên quản lý, nhân viên điều hành, nhân viên an ninh và nhân viên dịch vụ khách hàng;
4. Sơ yếu lý lịch người đứng đầu doanh nghiệp và các thành viên phụ trách về kỹ thuật;
5. Bản sao hợp lệ bằng tốt nghiệp đại học một trong các chuyên ngành: điện tử - viễn thông, công nghệ thông tin, toán tin, an toàn thông tin của người đứng đầu doanh nghiệp và các thành viên phụ trách về kỹ thuật (Đối với người đứng đầu doanh nghiệp, nếu không có một trong các văn bằng kể trên thì nộp bản sao hợp lệ bằng tốt nghiệp đại học và bản sao hợp lệ chứng chỉ đào tạo ngắn hạn về an toàn thông tin).
6. Hồ sơ về phương án kỹ thuật;
7. Hồ sơ về phương án sản xuất, kinh doanh.

**Mẫu 02 - Phụ lục I. Danh mục sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự xin cấp phép sản xuất, kinh doanh**



(Tên doanh nghiệp)

Số: .....

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.... tháng ..... năm .....

**DANH MỤC**  
**sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự xin cấp phép sản xuất, kinh doanh**

Kính gửi: Ban Cơ yếu Chính phủ

Chúng tôi đề nghị được cấp phép sản xuất, kinh doanh các sản phẩm mật mã dân sự theo danh mục dưới đây.

**I. Danh mục các sản phẩm mật mã dân sự xin cấp phép sản xuất**

STT	Tên loại sản phẩm (1)	Tên sản phẩm (2)	Tiêu chuẩn áp dụng/đặc tính kỹ thuật (3)	Phạm vi, lĩnh vực cung cấp (4)
1				
2				
3				
4				
5				
6				
7				
...				

**Chú thích:**

- (1) Ghi tên nhóm sản phẩm, ví dụ: các thiết bị mật mã;
- (2) Ghi cụ thể tên sản phẩm để kê khai, ví dụ: DataCrypto2000;
- (3) Ghi cụ thể tiêu chuẩn, đặc tính kỹ thuật của sản phẩm dự kiến sản xuất;
- (4) Ghi cụ thể phạm vi, lĩnh vực cung cấp sản phẩm, ví dụ: ngân hàng, bảo hiểm, bưu chính viễn thông, y tế, giáo dục...

**II. Danh mục các sản phẩm mật mã dân sự xin cấp phép kinh doanh**

STT	Tên loại sản phẩm (1)	Tên sản phẩm (2)	Xuất xứ (3)	Tiêu chuẩn, đặc tính kỹ thuật (4)	Phạm vi, lĩnh vực cung cấp (5)
1					
2					
3					
4					
5					
6					
7					
...					

**Chú thích:**

- (1) Ghi tên nhóm sản phẩm, ví dụ: các thiết bị mật mã;
- (2) Ghi cụ thể tên sản phẩm, ví dụ: DataCrypto2000;
- (3) Ghi cụ thể tên hãng sản xuất, nước sản xuất, ví dụ: Thales-Anh;
- (4) Ghi cụ thể tiêu chuẩn, đặc tính kỹ thuật của sản phẩm dự kiến kinh doanh;
- (5) Ghi cụ thể phạm vi, lĩnh vực cung cấp sản phẩm, ví dụ: ngân hàng, bảo hiểm, bưu chính viễn thông, y tế, giáo dục...

**III. Danh mục các dịch vụ mật mã dân sự xin cấp phép kinh doanh**

STT	Tên dịch vụ (1)	Phạm vi, lĩnh vực cung cấp (2)
1		
2		
3		
...	.....	

**Chú thích:**

- (1) Ghi cụ thể tên dịch vụ mật mã dân sự xin cấp phép kinh doanh.
- (2) Ghi cụ thể phạm vi, lĩnh vực cung cấp dịch vụ, ví dụ: ngân hàng, bảo hiểm, bưu chính viễn thông, y tế, giáo dục...

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**Mẫu 03 - Phụ lục 1. Đơn đề nghị thay đổi, bổ sung nội dung danh mục sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự đã được cấp phép sản xuất, kinh doanh**

(Tên doanh nghiệp)

Số: .....



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.... tháng ..... năm .....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**thay đổi, bổ sung nội dung danh mục sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự**  
**đã được cấp phép sản xuất, kinh doanh**

Kính gửi: Ban Cơ yếu Chính phủ

Tên doanh nghiệp đề nghị cấp phép (viết bằng tiếng Việt): .....

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có): .....

Tên doanh nghiệp viết tắt (nếu có): .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

Giấy phép sản xuất, kinh doanh sản phẩm mật mã dân sự số:..... do Ban Cơ yếu Chính phủ cấp ngày.....

Họ và tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp: .....

Chức vụ: .....

Số CMND/Hộ chiếu:.....cấp ngày.....tại .....

Đề nghị Ban Cơ yếu Chính phủ cho phép thay đổi, bổ sung nội dung danh mục sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự đã được cấp phép sản xuất, kinh doanh theo Danh mục kèm theo đơn này.

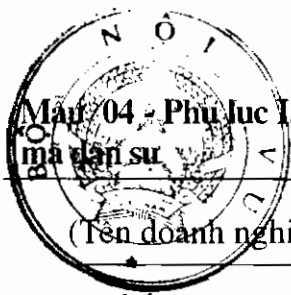
Tôi/chúng tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác của các thông tin đã cung cấp và cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 73/2007/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ về hoạt động nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh và sử dụng mật mã để bảo vệ thông tin không thuộc phạm vi bí mật Nhà nước.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hồ sơ kèm theo:

1. Bản sao hợp lệ Giấy phép sản xuất, kinh doanh sản phẩm mật mã dân sự;
2. Danh mục sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự xin cấp phép sản xuất, kinh doanh (có thay đổi, bổ sung);
3. Hồ sơ về phương án kỹ thuật theo danh mục sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự xin cấp phép sản xuất, kinh doanh bổ sung;
4. Hồ sơ về phương án sản xuất, kinh doanh theo danh mục sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự xin cấp phép sản xuất, kinh doanh bổ sung.





Mẫu 04 - Phụ lục I. Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép sản xuất, kinh doanh sản phẩm mật mã dân sự

(Tên doanh nghiệp)

Số: .....

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.... tháng ..... năm .....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**cấp lại Giấy phép sản xuất, kinh doanh sản phẩm mật mã dân sự**

Kính gửi: Ban Cơ yếu Chính phủ

Tên doanh nghiệp đề nghị cấp phép (*viết bằng tiếng Việt*): .....

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài (*nếu có*): .....

Tên doanh nghiệp viết tắt (*nếu có*): .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:..... do..... cấp ngày: .....

Ngành nghề kinh doanh: .....

Giấy phép sản xuất, kinh doanh sản phẩm mật mã dân sự số:..... do

Ban Cơ yếu Chính phủ cấp ngày.....

Họ và tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:.....

Chức vụ: .....

Số CMND/Hộ chiếu:..... cấp ngày..... tại .....

Lý do đề nghị cấp lại:.....

Đề nghị Ban Cơ yếu Chính phủ cấp lại **Giấy phép sản xuất, kinh doanh sản phẩm mật mã dân sự**.

Tôi/chúng tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác của các thông tin đã cung cấp và cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 73/2007/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ về hoạt động nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh và sử dụng mật mã để bảo vệ thông tin không thuộc phạm vi bí mật Nhà nước.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hồ sơ kèm theo:

- \* Trường hợp giấy phép bị mất:
  - Xác nhận của cơ quan công an về việc khai báo mất giấy phép.
- \* Trường hợp giấy phép bị rách, nát:
  - Bản chính giấy phép đã bị rách, nát.

\* Trường hợp thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

- Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới đã được cấp;

- Bản chính giấy phép đang sử dụng.

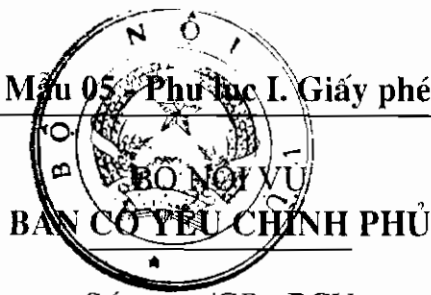
\* Trường hợp thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trong đó thay đổi người đứng đầu doanh nghiệp:

- Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới đã được cấp;

- Bản chính giấy phép đang sử dụng;

- Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp phường, xã nơi cư trú hoặc xác nhận của cơ quan có thẩm quyền;

- Bản sao hợp lệ bằng tốt nghiệp đại học một trong các chuyên ngành: điện tử - viễn thông, công nghệ thông tin, toán tin, an toàn thông tin của người đứng đầu doanh nghiệp. (Nếu không có một trong các văn bằng kể trên thì nộp bản sao hợp lệ bằng tốt nghiệp đại học và bản sao hợp lệ chứng chỉ đào tạo ngắn hạn về an toàn thông tin).



Số: /GP - BCY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày.... tháng ... năm.....

**GIẤY PHÉP**  
**sản xuất, kinh doanh sản phẩm mật mã dân sự**

**TRƯỞNG BAN BAN CƠ YẾU CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Nghị định số 73/2007/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ về hoạt động nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh và sử dụng mật mã để bảo vệ thông tin không thuộc phạm vi bí mật Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 08/2008/TT-BNV ngày 17 tháng 11 năm 2008 của Bộ Nội vụ hướng dẫn trình tự, thủ tục cấp Giấy phép sản xuất, kinh doanh sản phẩm mật mã dân sự và cấp Giấy chứng nhận hợp chuẩn, Giấy chứng nhận hợp quy sản phẩm mật mã dân sự;

Xét đề nghị và hồ sơ xin cấp/xin cấp lại Giấy phép sản xuất, kinh doanh sản phẩm mật mã dân sự của .....(tên doanh nghiệp):

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.**

Doanh nghiệp: .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:.....do.....cấp ngày .... tháng ... năm .....; ngành nghề kinh doanh .....

được phép sản xuất, kinh doanh sản phẩm mật mã dân sự theo Danh mục sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự được phép sản xuất, kinh doanh kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Khi thay đổi, bổ sung nội dung danh mục đã được cấp phép, doanh nghiệp phải xin phép Ban Cơ yếu Chính phủ về việc thay đổi, bổ sung đó.

**Điều 3.** Doanh nghiệp phải chấp hành các quy định của cơ quan quản lý nhà nước trong việc chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy và công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy các sản phẩm mật mã dân sự do doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh.

**Điều 4.** Giấy phép này có hiệu lực trong thời hạn 5 năm kể từ ngày ký, trừ trường hợp bị thu hồi theo quy định của pháp luật.

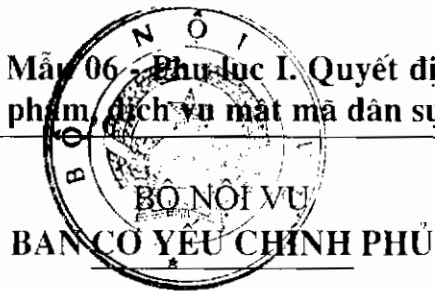
**Điều 5.** Trong quá trình hoạt động, doanh nghiệp có trách nhiệm chấp hành nghiêm chỉnh các quy định tại Nghị định số 73/2007/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ về hoạt động nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh và sử dụng mật mã để bảo vệ thông tin không thuộc phạm vi bí mật Nhà nước.

*Nơi nhận:*

.....  
.....

**TRƯỞNG BAN**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu 06 - Phụ lục I. Quyết định về việc thay đổi, bổ sung nội dung danh mục sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự đã được cấp phép sản xuất, kinh doanh



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ - BCY

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc thay đổi, bổ sung nội dung danh mục sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự đã được cấp phép sản xuất, kinh doanh

### TRƯỞNG BAN BAN CƠ YẾU CHÍNH PHỦ

Căn cứ Nghị định số 73/2007/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ về hoạt động nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh và sử dụng mật mã để bảo vệ thông tin không thuộc phạm vi bí mật Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 08/2008/TT-BNV ngày 17 tháng 11 năm 2008 của Bộ Nội vụ hướng dẫn trình tự, thủ tục cấp Giấy phép sản xuất, kinh doanh sản phẩm mật mã dân sự và cấp Giấy chứng nhận hợp chuẩn, Giấy chứng nhận hợp quy sản phẩm mật mã dân sự;

Căn cứ Giấy phép sản xuất, kinh doanh sản phẩm mật mã dân sự số.../GP-BCY ngày.... tháng....năm..... của Trưởng ban Ban Cơ yếu Chính phủ;

Xét đề nghị và hồ sơ xin thay đổi, bổ sung nội dung danh mục sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự đã được cấp phép sản xuất, kinh doanh của .....(tên doanh nghiệp),

## QUYẾT ĐỊNH:

### Điều 1.

Doanh nghiệp:.....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

Giấy phép sản xuất, kinh doanh sản phẩm mật mã dân sự số.../GP-BCY ngày.... tháng....năm..... của Trưởng ban Ban Cơ yếu Chính phủ;

được phép thay đổi, bổ sung nội dung danh mục sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự được cấp phép sản xuất, kinh doanh theo Danh mục sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự được phép sản xuất, kinh doanh kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày.../.../20...

**Điều 3.** Trong quá trình hoạt động, doanh nghiệp có trách nhiệm chấp hành nghiêm chỉnh các quy định tại Nghị định số 73/2007/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ về hoạt động nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh và sử dụng mật mã để bảo vệ thông tin không thuộc phạm vi bí mật Nhà nước.

**DANH MỤC SẢN PHẨM, DỊCH VỤ MẬT MÃ DÂN SỰ  
ĐƯỢC PHÉP SẢN XUẤT, KINH DOANH**

*(Kèm theo Giấy phép sản xuất, kinh doanh sản phẩm mật mã dân sự số .../GP-BCY ngày / / 20.. hoặc kèm theo Quyết định thay đổi, bổ sung nội dung danh mục sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự đã được cấp phép sản xuất, kinh doanh số .../QĐ-BCY ngày.../.../20..)*

**I. Danh mục sản phẩm mật mã dân sự được phép sản xuất**

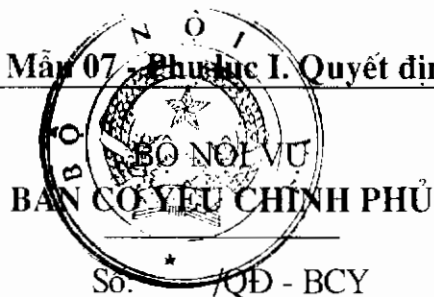
STT	Tên loại sản phẩm	Tên sản phẩm	Tiêu chuẩn áp dụng/đặc tính kỹ thuật	Phạm vi, lĩnh vực cung cấp
1				
2				
3				
4				
5				
6				
7				
8				
9				
...				

**II. Danh mục sản phẩm mật mã dân sự được phép kinh doanh**

STT	Tên loại sản phẩm	Tên sản phẩm	Xuất xứ	Tiêu chuẩn, đặc tính kỹ thuật	Phạm vi, lĩnh vực cung cấp
1					
2					
3					
4					
5					
6					
7					
8					
9					
...					

**III. Danh mục dịch vụ mật mã dân sự được phép kinh doanh**

STT	Tên dịch vụ	Phạm vi, lĩnh vực cung cấp
1		
2		
3		
...	.....	



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ - BCY

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm .....

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc thu hồi giấy phép**

**TRƯỞNG BAN BAN CƠ YẾU CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Nghị định số 73/2007/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ về hoạt động nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh và sử dụng mật mã để bảo vệ thông tin không thuộc phạm vi bí mật Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 08/2008/TT-BNV ngày 17 tháng 11 năm 2008 của Bộ Nội vụ hướng dẫn trình tự, thủ tục cấp Giấy phép sản xuất, kinh doanh sản phẩm mật mã dân sự và cấp Giấy chứng nhận hợp chuẩn, Giấy chứng nhận hợp quy sản phẩm mật mã dân sự;

Căn cứ kết luận của..... về việc.....;

Xét đề nghị của .....

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay thu hồi Giấy phép sản xuất, kinh doanh sản phẩm mật mã dân sự số ...../GP - BCY ngày...../...../200.. đã cấp cho ..... (*tên doanh nghiệp*), có đăng ký kinh doanh tại..... (*nơi đăng ký*) theo số hiệu đăng ký ..... và có trụ sở chính tại..... (*địa chỉ*)

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày...../...../200..

**Điều 3.** Doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

**Nơi nhân:**  
- Như Điều 3;  
- Lưu VT,...

**TRƯỞNG BAN**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



**Phụ lục II**

**MẪU HỢP ĐỒNG CUNG CẤP SẢN PHẨM/DỊCH VỤ MẬT MÃ DÂN SỰ  
VÀ BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH SẢN XUẤT, KINH DOANH  
SẢN PHẨM, DỊCH VỤ MẬT MÃ DÂN SỰ**

*(Kèm theo Thông tư số 08/2008/TT-BNV ngày 17 tháng 11 năm 2008 của Bộ Nội vụ)*

---

Mẫu 01. Mẫu Hợp đồng cung cấp sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự

Mẫu 02. Báo cáo Tổng hợp tình hình sản xuất, kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự





**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**HỢP ĐỒNG .....**  
**cung cấp sản phẩm/dịch vụ...**  
Số...../.....

- Căn cứ Bộ luật dân sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 14/6/2005;

- Căn cứ Nghị định số 73/2007/NĐ-CP ngày 08/5/2007 của Chính phủ về nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh và sử dụng mật mã để bảo vệ thông tin không thuộc phạm vi bí mật Nhà nước;

- Căn cứ yêu cầu sử dụng của Bên B và khả năng, điều kiện cung cấp sản phẩm/dịch vụ của Bên A,

(Địa danh), ngày..... tháng..... năm.....

Chúng tôi gồm:

Bên cung cấp sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự (gọi tắt là Bên A):

Tên tổ chức: .....

Địa chỉ: .....

Họ và tên người đại diện: .....

Chức vụ: .....

Số CMND/Hộ chiếu:..... cấp ngày..... tại.....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:..... ngày ... tháng ... năm..... do .....

..... cấp.  
Giấy phép sản xuất, kinh doanh sản phẩm mật mã dân sự số:..... ngày .... tháng..... năm..... do Ban Cơ yếu Chính phủ cấp.

Số Fax: ..... Số điện thoại:.....

Tài khoản:..... tại:.....

Mã số thuế: .....

Bên được cung cấp sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự (gọi tắt là Bên B):

*Nếu là cá nhân thì ghi:*

Ông (Bà):.....

Số CMND/Hộ chiếu:..... cấp ngày..... tại.....

Hộ khẩu thường trú (trường hợp không có hộ khẩu thường trú thì ghi đăng ký tạm trú).....

*Nếu là tổ chức thì ghi:*

Tên tổ chức: .....

Địa chỉ: .....

Họ và tên người đại diện: .....

Chức vụ: .....

Số CMND/Hộ chiếu:..... cấp ngày..... tại.....

Quyết định thành lập số:..... ngày ..... tháng ..... năm ..... do..... cấp.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:..... ngày ... tháng ... năm..... do.....

..... cấp.

Số Fax: ..... Số điện thoại:.....

Tài khoản:.....

Mã số thuế: .....

Hai bên đồng ý thực hiện việc cung cấp sản phẩm/dịch vụ mật mã dân sự theo các điều khoản như sau:

**Điều 1. Đối tượng của hợp đồng**

**Bên A cung cấp cho Bên B sản phẩm/dịch vụ mật mã dân sự như sau:**

1. Tên hàng/tên dịch vụ:.....
2. Giá cả: .....
3. Đặc tính kỹ thuật (tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng):.....
4. Số lượng: .....
5. Nguồn gốc xuất xứ:.....
6. Tài liệu, hồ sơ kèm theo:.....

**(\*) Điều 2. Mục đích, phạm vi sử dụng sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự của Bên B:**

1. Mục đích sử dụng

Sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự do Bên A cung cấp chỉ đáp ứng cho yêu cầu bảo vệ thông tin không thuộc phạm vi bí mật nhà nước.

2. Phạm vi sử dụng

[ ] Sử dụng cá nhân

[ ] Sử dụng chung

- Tên cơ quan/tổ chức sử dụng: .....

- Địa chỉ: .....

**Điều 3. Thanh toán**

1. Phương thức thanh toán

2. Thời hạn thanh toán

**Điều 4. Thời hạn giao nhận, địa điểm, phương thức giao nhận**

1. Thời hạn giao nhận

2. Địa điểm

3. Phương thức giao nhận

**(\*) Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Bên A**

1. Bên A có quyền

- Tạm ngừng hoặc ngừng cung cấp sản phẩm/dịch vụ cho Bên B trong trường hợp khẩn cấp theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

- Chấm dứt hợp đồng hoặc đơn phương đình chỉ hợp đồng trong các trường hợp quy định tại Điều 8 của Hợp đồng này.

2. Bên A có nghĩa vụ:

- Bảo đảm cung cấp sản phẩm/dịch vụ theo thỏa thuận tại Điều 1 của hợp đồng này, hướng dẫn Bên B sử dụng và thực hiện đầy đủ các quy định, quy trình khai thác, sử dụng sản phẩm/dịch vụ để đảm bảo chất lượng, an toàn của sản phẩm/dịch vụ;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng sản phẩm/dịch vụ đã cung cấp;

- Bảo dưỡng, sửa chữa sản phẩm mật mã dân sự do mình cung cấp và bảo hành sản phẩm cho Bên B;

- Lưu giữ và bảo mật thông tin của Bên B, thông tin khoá mã đã cung cấp cho Bên B; thời gian lưu giữ tối thiểu là 05 năm;

- Không cung cấp sản phẩm có cùng khoá mã hệ thống cho bất cứ khách hàng nào khác ngoài Bên B khi chưa được sự đồng ý bằng văn bản của Bên B;

- Tuân thủ và tư vấn cho Bên B tuân thủ các quy định của nhà cung cấp dịch vụ chứng thực điện tử (*trong trường hợp sản phẩm mật mã cần sử dụng hệ thống chứng thực điện tử*);

- Phối hợp và tạo điều kiện cho Bên B trong việc thực hiện các yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

- Bồi thường thiệt hại cho Bên B khi có thiệt hại xảy ra do doanh nghiệp không thực hiện đúng quy trình cung cấp sản phẩm/dịch vụ hoặc sản phẩm/ dịch vụ cung cấp không đúng với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đã công bố theo quy định của pháp luật.

**(\*) Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Bên B**

**1. Bên B có quyền:**

- Chuyển nhượng, cho tặng, trao đổi lại sản phẩm/dịch vụ;
- Yêu cầu Bên A sửa chữa, bảo dưỡng sản phẩm khi sản phẩm bị hỏng hóc;
- Chấm dứt hợp đồng trong các trường hợp theo quy định tại Điều 8 của Hợp đồng này.

**2. Bên B có nghĩa vụ:**

- Thanh toán đầy đủ cho Bên A theo quy định tại Điều 3 của Hợp đồng này;
- Quản lý, sử dụng sản phẩm/dịch vụ mật mã dân sự theo đúng các quy định của pháp luật;
  - Không được tự ý sửa chữa hoặc làm thay đổi tính năng của sản phẩm. Khi sản phẩm bị hỏng hóc cần sửa chữa, bảo dưỡng, Bên B phải đến cơ sở của Bên A hoặc do Bên A chỉ định để sửa chữa, bảo dưỡng;
  - Sử dụng khoá mã phải tuân theo các hướng dẫn kỹ thuật của Bên A;
  - Trong trường hợp chuyển nhượng, cho, tặng, trao đổi sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự cho tổ chức hoặc cá nhân nào đó, Bên B phải cùng với bên được chuyển nhượng, cho, tặng, trao đổi sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự đăng ký lại với Bên A các thông tin của tổ chức, cá nhân được chuyển nhượng, cho, tặng trao đổi theo yêu cầu của Bên A;
    - Khi huỷ bỏ, tiêu huỷ sản phẩm mật mã dân sự phải thông báo cho Bên A biết;
    - Khi thay đổi địa chỉ, thay đổi tên cơ quan, ngừng hoặc tạm ngừng sử dụng dịch vụ hoặc chuyển nhượng hợp đồng, Bên B phải gửi văn bản yêu cầu Bên A để giải quyết, đồng thời phải thanh toán các chi phí (nếu có) cho việc thực hiện các công việc trên;
    - Phối hợp và tạo điều kiện cho Bên A trong việc thực hiện các yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

**Điều 7. Xử lý tranh chấp và bồi thường thiệt hại**

Hai bên cam kết thi hành các nghĩa vụ hợp đồng. Các tranh chấp thuộc phạm vi thoả thuận của hai bên trong hợp đồng sẽ được hai bên cùng xem xét, giải quyết. Trong trường hợp không thống nhất được, các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

**(\*)Điều 8. Chấm dứt hiệu lực của Hợp đồng**

1. Bên A có quyền chấm dứt hợp đồng hoặc đơn phương đình chỉ hợp đồng trong các trường hợp sau:

- Bên B vi phạm các nghĩa vụ đã cam kết trong hợp đồng này;
- Theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

2. Bên B có quyền chấm dứt hợp đồng trong các trường hợp sau:

- Bên A vi phạm các nghĩa vụ đã cam kết trong hợp đồng này;
- Theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

**Điều 9. Cam kết chung**

1. Hợp đồng này có thể sửa đổi, bổ sung theo quy định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc theo thoả thuận của các bên. Trong trường hợp này, các bên có thể ký lại hợp đồng hoặc ký hợp đồng phụ.

2. Hai bên cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã ghi trong hợp đồng. Bên nào vi phạm sẽ chịu trách nhiệm trước bên kia và trước pháp luật.

3. Hợp đồng này được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản để thực hiện.

**Bên B**

(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**Bên A**

(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

*Lưu ý: Các điều khoản có đánh dấu (\*) là các điều khoản bắt buộc phải ghi trong hợp đồng. Có những điều khoản không nằm trong hợp đồng do hai bên tự thoả thuận và bổ sung trên mẫu hợp đồng này.*

**Mẫu 02 - Phụ lục II. Báo cáo Tổng hợp tình hình sản xuất, kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự**

Tên doanh nghiệp;  
Địa chỉ;  
Số Giấy phép SX, KDSPMMDS:

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.... tháng.....năm.....

**BÁO CÁO**

**Tổng hợp tình hình sản xuất, kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự**  
(Từ ngày...../.../20... đến ngày...../.../20...)

Kính gửi: Ban Cơ yếu Chính phủ

**I. Tình hình sản xuất, kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự**

STT	Tình hình sản xuất sản phẩm mật mã dân sự		Tình hình kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự					Ghi chú
	Tên SP	Số lượng	Tên sản phẩm, dịch vụ	Số lượng	Thông tin khách hàng			
					Tên khách hàng	Địa chỉ	Mục đích, phạm vi sử dụng	

**II. Tình hình xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự**

STT	Tình hình xuất khẩu sản phẩm mật mã dân sự			Tình hình nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự			Ghi chú
	Tên SP	Số lượng	Đơn vị nhập khẩu	Tên sản phẩm	Số lượng	Xuất xứ của sản phẩm	

**III. Kiến nghị (nếu có)**

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO  
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



### Phụ lục III

**MẪU CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN HỢP CHUẨN SẢN PHẨM MẬT MÃ DÂN SỰ,  
GIẤY CHỨNG NHẬN HỢP QUY SẢN PHẨM MẬT MÃ DÂN SỰ**  
(Kèm theo Thông tư số 08/2008/TT-BNV ngày 17 tháng 11 năm 2008 của Bộ Nội vụ)

---

- Mẫu 01. Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận hợp chuẩn sản phẩm mật mã dân sự
- Mẫu 02. Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận hợp quy sản phẩm mật mã dân sự
- Mẫu 03. Giấy chứng nhận hợp chuẩn sản phẩm mật mã dân sự
- Mẫu 04. Giấy chứng nhận hợp quy sản phẩm mật mã dân sự
- Mẫu 05. Mẫu Dấu chứng nhận hợp chuẩn sản phẩm mật mã dân sự



**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**cấp Giấy chứng nhận hợp chuẩn sản phẩm mật mã dân sự**

Kính gửi: Cơ quan chứng nhận - Ban Cơ yếu Chính phủ

1. Tên tổ chức, cá nhân đề nghị chứng nhận: .....
2. Địa chỉ: .....  
Điện thoại:..... Fax: .....  
Email: ..... Website: .....
3. Sản phẩm đề nghị chứng nhận phù hợp Tiêu chuẩn:
  - a) Tên sản phẩm: .....
  - b) Ký hiệu: ..... Loại, phiên bản:.....
  - c) Hãng sản xuất: .....
  - d) Năm sản xuất: .....
  - e) Nơi sản xuất: .....
  - f) Các Tiêu chuẩn áp dụng (tên, số hiệu)
4. Tài liệu gửi kèm:
  - a) Bản sao giấy chứng minh thư nhân dân hoặc hộ chiếu (đối với cá nhân); bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với doanh nghiệp) hoặc quyết định thành lập (đối với tổ chức);
  - b) Bản sao, bản dịch tiếng Việt hợp lệ tài liệu kỹ thuật của sản phẩm;
  - c) Sản phẩm mẫu;
  - d) Các tài liệu khác (nếu có).

Đề nghị Cơ quan chứng nhận - Ban Cơ yếu Chính phủ xem xét cấp **Giấy chứng nhận hợp chuẩn sản phẩm mật mã dân sự** cho sản phẩm.

Tôi/chúng tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác của các thông tin cung cấp nêu trên và cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 73/2007/NĐ-CP ngày 8 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ về hoạt động nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh và sử dụng mật mã để bảo vệ thông tin không thuộc phạm vi bí mật Nhà nước.

....., ngày.....tháng.....năm .....

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CHỨNG NHẬN**  
(Ký, ghi rõ họ tên)



**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**cấp Giấy chứng nhận hợp quy sản phẩm mật mã dân sự**

Kính gửi: Cơ quan chứng nhận - Ban Cơ yếu Chính phủ

1. Tên tổ chức, cá nhân đề nghị chứng nhận .....
2. Địa chỉ: .....  
Điện thoại: ..... Fax: .....  
Email: ..... Website: .....
3. Sản phẩm đề nghị chứng nhận phù hợp Quy chuẩn:
  - a) Tên sản phẩm: .....
  - b) Ký hiệu: ..... Loại, phiên bản: .....
  - c) Hãng sản xuất: .....
  - d) Năm sản xuất: .....
  - e) Nơi sản xuất: .....
  - f) Các Quy chuẩn áp dụng (tên, số hiệu) .....
4. Tài liệu gửi kèm:
  - a) Bản sao giấy chứng minh thư nhân dân hoặc hộ chiếu (đối với cá nhân); bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với doanh nghiệp) hoặc quyết định thành lập (đối với tổ chức);
  - b) Bản sao, bản dịch tiếng Việt hợp lệ tài liệu kỹ thuật của sản phẩm;
  - c) Sản phẩm mẫu;
  - d) Các tài liệu khác (nếu có).

Đề nghị Cơ quan chứng nhận - Ban Cơ yếu Chính phủ xem xét cấp **Giấy chứng nhận hợp quy sản phẩm mật mã dân sự** cho sản phẩm.

Tôi/chúng tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác của các thông tin cung cấp nêu trên và cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 73/2007/NĐ-CP ngày 8 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ về hoạt động nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh và sử dụng mật mã để bảo vệ thông tin không thuộc phạm vi bí mật Nhà nước.

....., ngày.....tháng.....năm .....

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CHỨNG NHẬN**  
(Ký, ghi rõ họ tên)



BAN CƠ YẾU CHÍNH PHỦ  
Vietnam Government Information  
Security Commission

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness

**GIẤY CHỨNG NHẬN HỢP CHUẨN**  
**CERTIFICATE OF CONFORMITY TO STANDARDS**

Số (No):

**CƠ QUAN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**(Certification Body)**

**CHỨNG NHẬN**  
**It is to certify that**

Tên sản phẩm:.....

*Product's Name*

Ký hiệu: .....

*Model*

Hãng, nơi sản xuất .....

*Manufacturer, place of manufacturing*

Tổ chức, cá nhân được cấp: .....

*Certificate Holder*

Phù hợp tiêu chuẩn: .....

*Complies with*

Nơi cấp:.....

*Place of Issue*

Ngày cấp:.....

*Date of Issue*

Có giá trị đến:.....

*Date of expiry*

**CHỨC DANH NGƯỜI KÝ**

*(Ký tên, đóng dấu)*

*Job Title*

*(Sign and seal)*



  
BAN CƠ YẾU CHÍNH PHỦ  
Vietnam Government Information  
Security Commission

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness

**GIẤY CHỨNG NHẬN HỢP QUY**  
**CERTIFICATE OF CONFORMITY TO TECHNICAL REGULATIONS**

Số (No):

**CƠ QUAN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**(Certification Body)**

**CHỨNG NHẬN**

**It is to certify that**

Tên sản phẩm:.....

*Product's Name*

Ký hiệu: .....

*Model*

Hãng, nơi sản xuất .....

*Manufacturer, place of manufacturing*

Tổ chức, cá nhân được cấp: .....

*Certificate Holder*

Phù hợp quy chuẩn: .....

*Complies with*

Nơi cấp:.....

*Place of Issue*

Ngày cấp:.....

*Date of Issue*

Có giá trị đến:.....

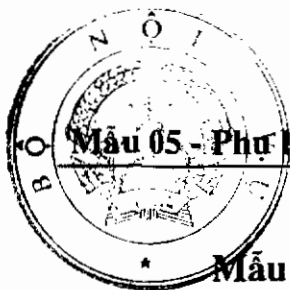
*Date of expiry*

**CHỨC DANH NGƯỜI KÝ**

*(Ký tên, đóng dấu)*

*Job Title*

*(Sign and seal)*



## Mẫu dấu chứng nhận hợp chuẩn sản phẩm mật mã dân sự

### 1. Hình dáng: Mô tả theo hình 1



Hình 1 - Mẫu dấu chứng nhận hợp chuẩn sản phẩm mật mã dân sự

Mẫu dấu chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn đối với sản phẩm mật mã dân sự được thiết kế dưới dạng hình Ellipse có đường kính ngang gấp đôi đường kính dọc.

Phạm vi dấu chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn là phần diện tích bên trong hình Ellipse.

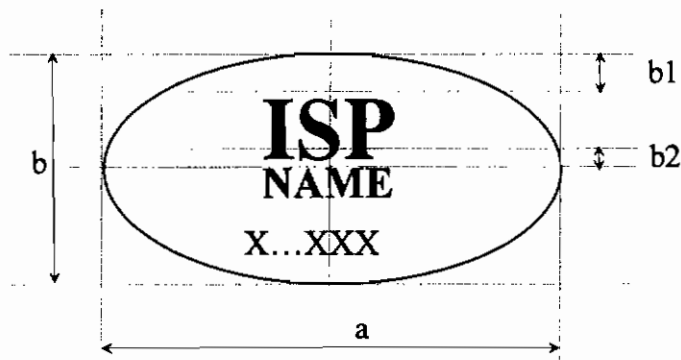
### 2. Nội dung:

- Cụm chữ “ISP”: Tên viết tắt tiếng Anh của sản phẩm bảo mật thông tin (Information Security Product).

- NAME: tên đầy đủ hoặc ký hiệu tên tổ chức chứng nhận gồm tối đa mười bốn (14) ký tự (Ví dụ: BCYCP)

- X...XXX: Mã số quản lý, thể hiện ký hiệu đầy đủ của tiêu chuẩn tương ứng dùng để chứng nhận (Ví dụ: TCVN 4055:2007)

### 3. Cách trình bày: Mô tả theo Hình 2



Hình 2 – Cách trình bày dấu chứng nhận hợp chuẩn sản phẩm mật mã dân sự

Kiểu chữ của các ký tự: Unicode, Times New Roman; các ký tự được in đậm, thẳng đứng.

- Chiều ngang: Các cụm ký tự ISP, NAME được đặt chính giữa hình Ellipse.

- Chiều dọc:

- + Cụm ký tự ISP được sắp xếp sao cho  $b_1 = 2 \times b_2$
- + Cụm ký tự NAME được sắp xếp sao cho biên trên của NAME trùng với trục ngang của hình Ellipse.

#### 4. Kích thước chuẩn:

Kích thước chuẩn của dấu chứng nhận hợp chuẩn cho sản phẩm mật mã dân sự có thể chọn trong 4 trường hợp theo Bảng 1 dưới đây.

Bảng 1: Kích thước chuẩn của dấu chứng nhận hợp chuẩn cho sản phẩm mật mã dân sự

<b>Loại kích thước</b>	<b>Loại 1</b>	<b>Loại 2</b>	<b>Loại 3</b>	<b>Loại 4</b>
Đường kính lớn a (mm)	10	20	30	40
Đường kính nhỏ b (mm)	5	10	15	20
Cỡ chữ ISP (Pt)	6	10	16	20
Cỡ chữ NAME (Pt)	3	5	8	10